



Kotlin

Full Course

Bài 20.2



*Lập trình
Android*

1

String Kotlin (kiểu chuỗi)

2

Ví dụ vận dụng

3

Bài tập String Kotlin 18 - 22

Kotlin

"STRINGS"



1 String Kotlin (kiểu chuỗi)

❑ 1. Khái niệm :

- ✓ Trong kotlin String là 1 lớp quản lý dữ liệu văn bản
- ✓ Chuỗi là tập hợp các ký tự ex: “Abc dất dê đi ...học “

❑ 2. Khai báo chuỗi :

`var <tên biến> :String =“ < xâu ký tự>”`

`var <tên biến> =“ < xâu ký tự>” // khai báo tắt`

```
var s1:String = "Abc dất dê đi học"  
var s2= "Bành thị nòi"  
println(s1)  
println(s2)  
println(s1::class.java.typeName)  
println(s2::class.java.typeName)
```



```
Abc dất dê đi học  
Bành thị nòi  
java.lang.String  
java.lang.String
```



1 String Kotlin (kiểu chuỗi)

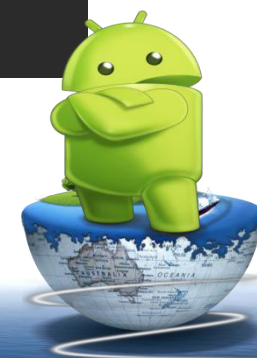
❑ 3. Bảng 1 số ký tự đặc biệt:

STT	Ký tự	Ý nghĩa
1	\	Dấu nháy kép
2	\\	Dấu chéo
3	\n	Dòng mới
4	\t	Tab ngang

```
var s3:String = "D:\\galailaptrinh\\Maria"
var s4:String = "C:\\Program Files (x86)"
var s5:String = "Có người nói rằng: \"Abc ...\""
var s6:String = "dòng 1 \n dòng 2"
var s7:String = "một \t hai"
```



```
D:\galailaptrinh\Maria
C:\Program Files (x86)
Có người nói rằng: "Abc ..."
dòng 1
    dòng 2
một      hai
```



1 String Kotlin (kiểu chuỗi)

- ❑ 4 . Length: Trả về độ dài của chuỗi (số ký tự chuỗi, bao gồm cả space)

```
var s8:String = "Em học tại tuhoc.cc"
println("Độ dài s8= "+s8.length)
```



Độ dài s8= 19

- ❑ 5 . Xuất ký tự theo vị trí index

0	1	2	3	4		
c	a	t	,	d	o	g

Chú ý index text bắt đầu từ 0

```
var s8:String = "Em học tại tuhoc.cc"
println("Độ dài s8= "+s8.length)
//xuất ký tự thứ i theo index
println("ký tự có index 1 =" +s8[1])
```



ký tự có index 1 =m



1 String Kotlin (kiểu chuỗi)

❑6 . IndexOf

Kiểm tra vị trí xuất hiện đầu tiên của ký tự hoặc chuỗi, trả về -1 nếu không tìm thấy

```
var s9:String = "abcdeaf"
println(s9.indexOf( string: "a"))
println(s9.indexOf( string: "g"))
```



```
0
-1
```

❑7 . LastIndexOf

Giống indexOf nhưng trả về vị trí index xuất hiện cuối cùng trả về -1 nếu không tìm thấy

```
var s9:String = "abcdeaf"
println(s9.lastIndexOf( string: "a"))
println(s9.lastIndexOf( string: "g"))
```



```
5
-1
```



1 String Kotlin (kiểu chuỗi)

❑ 8. Contains : Kiểm tra chuỗi con

```
var s10=".mp3"
var s11="tuhoc.mp3"
//kiểm tra s11 có chứa s10 không?
var check:Boolean =s11.contains(s10)
if (check) // viết tường minh: check==true
    println("Có .mp3 trong chuỗi")
else
    println("không tìm thấy .mp3 trong chuỗi")
```



Có .mp3 trong chuỗi

❑ 9 . Substring (trích lọc chuỗi con từ chuỗi ban đầu)

```
var s12= "Em học lập trình tại tuhoc.cc"
// lấy từ index 2 đến hết
var s13=s12.substring( startIndex: 2)
//lấy từ index 2 đến sát 10
var s14 =s12.substring(2,10)
println(s12)
println(s13)
println(s14)
```



Em học lập trình tại tuhoc.cc
học lập trình tại tuhoc.cc
học lập



1 String Kotlin (kiểu chuỗi)

❑ 10 . `Replace("str old", "str new", "ignoreCase= true/false")`

*Thay thế toàn bộ chuỗi **old** bằng chuỗi **new***

ignoreCase:

*Bỏ qua phân biệt hoa thường **nếu không truyền, kotlin tự hiểu = false***

```
//replace
var s15 = "Học học nữa học mãi"
//lưu ý: replace không làm thay đổi nội tại biến s15
var s16 = s15.replace(oldValue: "học", newValue: "ngủ")
println(s15)
println(s16)
```



```
Học học nữa học mãi
Học ngủ nữa ngủ mãi
```

```
//replace không phân biệt hoa thường
var s17 = s15.replace(oldValue: "học", newValue: "ngủ", ignoreCase: true)
println(s15)
println(s17)
```



```
Học học nữa học mãi
ngủ ngủ nữa ngủ mãi
```



1 String Kotlin (kiểu chuỗi)

□ 11 . ReplaceFirst (“str old”, “str new“, “ignoreCase= true/false”)

*Thay thế chuỗi **old** đầu tiên tìm thấy bằng chuỗi **new***

ignoreCase:

*Bỏ qua phân biệt hoa thường **nếu không truyền, kotlin tự hiểu = false***

```
var s18 = s15.replaceFirst( oldValue: "học", newValue: "Thay", ignoreCase: true)
println(s15)
println(s18)
```

```
Học học nữa học mãi
Thay học nữa học mãi
```

